TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2018
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quãng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đào
2. Ông Nguyễn Văn Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị K, sinh năm: 1979

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: Tổ 33, ấp C, xã CG, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị K, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lâm Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hùng C chung sống với nhau vào năm 1998, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, không ai quan tâm đến ai và không chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh chị sống ly thân từ

năm 2017 cho đến nay. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Trà Giang, sinh ngày 18-01-1999 và Nguyễn Trà Vinh, sinh ngày 20-08-2006, hiện cháu Giang đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Vinh chị yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hùng C trình bày: Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thống nhất lời trình bày của chị K và anh không trình bày bổ sung gì thêm. Chị K yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị K với anh C.

Về con chung: Giao chị K tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trà Vinh, sinh ngày 20-08-2006 theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Giang đã thành niên và có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị K, bị đơn anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lâm Thị K và anh Nguyễn Hùng C là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Mặc dù chị K và anh C có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị K và anh C.

[3] Về con chung: Chị K yêu cầu được tiếp tục, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Trà Vinh, sinh ngày 20-8-2006, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C thì yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vinh,

không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng: Hiện cháu Vinh đang chung sống với chị có nhà ở ổn định và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh C hiện đang thuê nhà trọ sinh sống không có nơi ở ổn định. Nên không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vinh của anh C.

Giao chị Lâm Thị K được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trà Vinh, sinh ngày 20-8-2006. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Giang đã thành niên và có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị K phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không công nhận chị Lâm Thị K và anh Nguyễn Hùng C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao chị Lâm Thị K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trà Vinh, sinh ngày 20-8-2006. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu số 0008131 ngày 17-8-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Quãng